

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP ĐÌNH VŨ

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP ĐÌNH VŨ

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC
KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 – 02
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	03 – 04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 – 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 – 28

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thép Đình Vũ (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Văn Thanh	Chủ tịch
Ông Trần Văn Ngọc	Phó Chủ tịch
Ông Dương Hữu Hiếu	Phó Chủ tịch
Ông Đào Trọng Khôi	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Văn Miên	Thành viên
Ông Đoàn Trung Hà	Thành viên
Ông Trương Quang Thắng	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Đỗ Văn Thanh	Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 17/01/2009)
Ông Vũ Văn Chiến	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 17/01/2009)
Ông Đinh Văn Nhuận	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 01/07/2008)
Ông Lê Mạnh Hoàn	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 17/01/2009)
Bà Lê Thị Ngọc Lan	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 17/01/2009)
Ông Nguyễn Văn Cương	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 17/01/2009)
Ông Vũ Thái Việt	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 17/01/2009)
Ông Lê Ngọc Biên	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 17/01/2009)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Vũ Văn Chiến
Tổng Giám đốc
Ngày 03 tháng 04 năm 2009

Số: 009 /Deloitte-AUDHP-RE

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thép Đình Vũ

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Thép Đình Vũ (gọi tắt là "Công ty") cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1 và trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Tuy nhiên công việc kiểm toán của chúng tôi bị hạn chế bởi vấn đề sau:

Như đã trình bày trong phần thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo, Ban Giám đốc Công ty chưa xem xét việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Do giá thép giảm mạnh vào thời điểm cuối năm trong khi lượng hàng tồn kho đã mua tại các thời điểm trước với giá cao, giá trị hàng tồn kho tại thời điểm ngày 31/12/2008 của Công ty là khá lớn nên có thể dẫn đến những chênh lệch trọng yếu đối với kết quả kinh doanh của Công ty nếu như việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã đề cập ở trên, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2008 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN (Tiếp theo)

Mặc dù không đưa thêm ý kiến ngoại trừ, chúng tôi xin lưu ý tại thuyết minh số 2 của phần thuyết minh báo cáo tài chính: Công ty có lỗ thuần trong năm 2008 là 173.942.085.580 VND, lỗ lũy kế tại ngày 31/12/2008 là 172.827.403.920 VND, công nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản lưu động là 362.898.823.427 VND trong khi dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty tại ngày 31/12/2008 chưa được xem xét trích lập. Những vấn đề này cho thấy khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty là không chắc chắn.

Tuy nhiên, Ban Giám đốc đã có những dự kiến về kế hoạch kinh doanh và dự kiến về tình hình lưu chuyển tiền tệ trong thời gian tới của Công ty. Ban Giám đốc cũng đồng thời đưa ra các giải pháp nhằm duy trì thị trường truyền thống, tìm kiếm thị trường mới, cơ cấu lại sản xuất nhằm tăng doanh thu, giảm chi phí giá thành sản phẩm. Việc đưa nhà máy thiêu kết và luyện gang từ quặng sắt vào hoạt động trong năm 2009 sẽ góp phần tăng doanh thu và dòng tiền bổ sung cho hoạt động của Công ty. Ngoài ra, cùng với sự hỗ trợ, hợp tác từ các tổ chức tín dụng trong việc gia hạn các khoản nợ, hỗ trợ lãi suất, Ban Giám đốc cho rằng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong thời gian tới là khả thi. Dựa trên các kế hoạch này thì dự kiến Công ty vẫn đảm bảo đủ vốn lưu động phục vụ cho hoạt động kinh doanh trong thời gian tới. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể vượt qua được những khó khăn và không cần phải thu hẹp quy mô hoạt động kinh doanh. Vì vậy, báo cáo tài chính này vẫn được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục và chưa có bất kỳ sự điều chỉnh nào do yếu tố nói trên.



Trương Anh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
kiểm phụ trách Chi nhánh
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0029/KTV

Thay mặt và đại diện cho
**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DELOITTE
VIỆT NAM TẠI HẢI PHÒNG**
Ngày 03 tháng 04 năm 2009
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Trần Ngọc Bảo
Chủ nhiệm kiểm toán
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0796/KTV



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mẫu số B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	31/12/2007
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		727.021.063.673	248.291.367.829
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	73.355.915.520	12.808.116.644
1. Tiền	111		14.355.915.520	12.808.116.644
2. Các khoản tương đương tiền	112		59.000.000.000	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		204.771.042.243	48.925.708.695
1. Phải thu khách hàng	131		169.361.806.861	8.101.415.426
2. Trả trước cho người bán	132		29.836.895.236	39.393.276.012
3. Các khoản phải thu khác	135		5.767.991.494	1.431.017.257
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(195.651.348)	-
III. Hàng tồn kho	140	5	420.643.411.847	173.668.650.473
1. Hàng tồn kho	141		420.643.411.847	175.480.813.815
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(1.812.163.342)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		28.250.694.063	12.888.892.017
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.773.108.383	703.860.005
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.184.861.741	4.847.936.741
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		12.981.880	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		18.279.742.059	7.337.095.271
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		785.321.091.688	289.414.659.042
I. Tài sản cố định	220		717.580.869.349	254.220.983.346
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	220.285.257.120	208.767.864.507
- Nguyên giá	222		270.022.124.160	235.971.654.639
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(49.736.867.040)	(27.203.790.132)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	7	9.982.569.097	11.594.332.805
- Nguyên giá	225		12.184.581.047	13.461.056.155
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(2.202.011.950)	(1.866.723.350)
3. Tài sản cố định vô hình	227	8	17.013.470.298	17.337.875.759
- Nguyên giá	228		18.978.625.600	18.852.001.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.965.155.302)	(1.514.125.241)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	470.299.572.834	16.520.910.275
II. Tài sản dài hạn khác	260		67.740.222.339	35.193.675.696
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	64.044.680.339	34.488.283.696
2. Tài sản dài hạn khác	268		3.695.542.000	705.392.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.512.342.155.361	537.706.026.871

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mẫu số B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	31/12/2007
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.443.206.186.519	350.454.906.357
I. Nợ ngắn hạn	310		1.089.919.887.100	256.131.481.576
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	788.646.542.613	163.038.503.636
2. Phải trả người bán	312		231.151.275.041	75.160.446.193
3. Người mua trả tiền trước	313		20.416.411.456	3.215.706.116
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	6.033.972.170	3.679.027.729
5. Phải trả người lao động	315		2.728.565.205	2.762.429.958
6. Chi phí phải trả	316		10.597.403.297	6.075.260.814
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	318		23.878.826.339	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		6.466.890.979	2.200.107.130
II. Nợ dài hạn	330		353.286.299.419	94.323.424.781
1. Phải trả dài hạn khác	333		70.000.000	112.000.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	13	352.727.523.262	93.950.465.337
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		488.776.157	260.959.444
B. NGUỒN VỐN	400		69.135.968.842	187.251.120.514
I. Vốn chủ sở hữu	410		67.500.688.541	187.251.120.514
1. Vốn điều lệ	411	14	228.995.970.000	115.504.400.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	14	17.134.460.213	17.134.460.213
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(6.802.337.752)	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		500.000.000	-
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		500.000.000	-
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Lỗ lũy kế)	420	14	(172.827.403.920)	54.612.260.301
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	14	1.635.280.301	-
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		1.635.280.301	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.512.342.155.361	537.706.026.871

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

MÃU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công (Kg)
2. Ngoại tệ các loại (USD)

31/12/2008

31/12/2007

531.630,00

-

19.244,47



Vũ Văn Chiến
Tổng Giám đốc
Ngày 03 tháng 04 năm 2009

Vũ Hồng Khanh
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2008	Năm 2007
1. Doanh thu bán hàng	01		2.173.208.050.420	1.242.081.858.077
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		14.212.503.635	63.603.935
3. Doanh thu thuần về bán hàng	10	15	2.158.995.546.785	1.242.018.254.142
4. Giá vốn hàng bán	11	16	2.195.342.846.582	1.116.435.961.218
5. Lợi nhuận (lỗ) gộp về bán hàng	20		(36.347.299.797)	125.582.292.924
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	39.399.477.723	3.793.669.742
7. Chi phí tài chính	22	18	140.390.886.882	31.576.654.251
8. Chi phí bán hàng	24		6.649.153.366	182.269.791
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		34.858.083.296	17.133.634.727
10. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(178.845.945.618)	80.483.403.897
11. Thu nhập khác	31		11.182.890.530	3.118.683.417
12. Chi phí khác	32		6.279.030.762	2.483.743.401
13. Lợi nhuận khác	40	19	4.903.859.768	634.940.016
14. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế	50		(173.942.085.850)	81.118.343.913
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	20	-	1.114.681.930
16. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế	60		(173.942.085.850)	80.003.661.983
17. Lãi/ (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70		(14.476)	7.017



Vũ Văn Chiến
Tổng Giám đốc
Ngày 03 tháng 04 năm 2008

Handwritten signature in blue ink.

Vũ Hồng Khanh
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

Mẫu số B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2008	Năm 2007
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận (Lỗ) trước thuế	01	(173.942.085.850)	81.118.343.913
2. Điều chỉnh cho các khoản:		114.507.656.390	46.178.139.357
- Khấu hao tài sản cố định	02	24.638.098.184	20.198.960.373
- Các khoản dự phòng	03	(1.616.511.994)	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	8.756.325.070	170.526.090
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(18.695.128.848)	(699.229.971)
- Chi phí lãi vay	06	101.424.873.978	26.507.882.865
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	(59.434.429.460)	127.296.483.270
- (Tăng) các khoản phải thu	09	(172.323.688.564)	(8.088.873.657)
- (Tăng) hàng tồn kho	10	(245.162.598.032)	(98.660.534.576)
- Tăng/ (Giảm) các khoản phải trả	11	179.672.118.050	(19.744.774.103)
- (Tăng) chi phí trả trước	12	(31.625.645.021)	(33.212.648.527)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(96.964.148.504)	(26.427.427.224)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(425.838.391.531)	(58.837.774.817)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(465.250.660.068)	(31.475.254.306)
2. Tiền thu lãi cho vay	27	18.695.128.848	699.229.971
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(446.555.531.220)	(30.776.024.335)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	113.491.570.000	21.340.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.674.081.708.672	1.140.818.515.040
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.799.597.350.642)	(1.083.657.997.622)
4. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(3.075.818.249)	(1.966.942.497)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(51.976.980.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	932.923.129.781	76.533.574.921
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	60.529.207.030	(13.080.224.231)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	12.808.116.644	25.888.340.875
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	18.591.846	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	73.355.915.520	12.808.116.644

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác trong năm không bao gồm số tiền 22.747.324.119 VND là số tiền dùng để mua thêm tài sản cố định phát sinh và các tài sản dài hạn khác trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Vũ Văn Chiến
Tổng Giám đốc
Ngày 03 tháng 04 năm 2009

Vũ Hồng Khanh
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thép Đình Vũ là Công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000397 ngày 04/03/2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi, bổ sung.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Khu kinh tế Đình Vũ, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 814 người (năm 2007: 652 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất phôi thép, luyện cán thép.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Tuy nhiên, báo cáo tài chính của Công ty đã được dịch sang tiếng Anh từ bản báo cáo tài chính phát hành tại Việt Nam bằng ngôn ngữ tiếng Việt.

Tính liên tục hoạt động

Công ty có lỗ thuần trong năm 2008 là 173.942.085.580 VND, lỗ lũy kế tại ngày 31/12/2008 là 172.827.403.920 VND, công nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản lưu động là 362.898.823.427 VND trong khi dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty tại ngày 31/12/2008 chưa được xem xét trích lập. Những vấn đề này cho thấy khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty là không chắc chắn.

Tuy nhiên, Ban Giám đốc đã có những dự kiến về kế hoạch kinh doanh và dự kiến về tình hình lưu chuyển tiền tệ trong thời gian tới của Công ty. Ban Giám đốc cũng đồng thời đưa ra các giải pháp nhằm duy trì thị trường truyền thống, tìm kiếm thị trường mới, cơ cấu lại sản xuất nhằm tăng doanh thu, giảm chi phí giá thành sản phẩm. Việc đưa nhà máy thiêu kết và luyện gang từ quặng sắt vào hoạt động trong năm 2009 sẽ góp phần tăng doanh thu và dòng tiền bổ sung cho hoạt động của Công ty. Ngoài ra, cùng với sự hỗ trợ, hợp tác từ các tổ chức tín dụng trong việc gia hạn các khoản nợ, hỗ trợ lãi suất, Ban Giám đốc cho rằng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong thời gian tới là khả thi. Dựa trên các kế hoạch này thì dự kiến Công ty vẫn đảm bảo đủ vốn lưu động phục vụ cho hoạt động kinh doanh trong thời gian tới. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể vượt qua được những khó khăn và không cần phải thu hẹp quy mô hoạt động kinh doanh. Vì vậy, báo cáo tài chính này vẫn được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục và chưa có bất kỳ sự điều chỉnh nào do yếu tố nói trên.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty chưa xem xét việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại thời điểm kết thúc năm tài chính 2008. Ban Giám đốc cho rằng giá trị hàng tồn kho tại thời điểm ngày 31/12/2008 đang được phản ánh cao hơn giá trị thị trường nhưng có thể được sử dụng cho sản xuất và bán trong năm tới mà vẫn đảm bảo mức lợi nhuận của Công ty. Nếu thực hiện lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại thời điểm ngày 31/12/2008 thì giá trị của hàng tồn kho sẽ suy giảm một lượng giá trị ước tính khoảng 149 tỷ đồng.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (tiếp theo)

	Thời gian khấu hao (số năm)
Nhà cửa và vật kiến trúc	10 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải	08 – 10
Thiết bị quản lý	05 – 08
Tài sản cố định khác	08

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (số năm)
Máy móc và thiết bị	06 – 10
Phương tiện vận tải	08

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện: (1) Giá trị quyền sử dụng đất; (2) Chi phí liên quan đến xây dựng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000; (3) Phần mềm quản lý. Các tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế và được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản chi phí thuê đất và chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi ngoại tệ các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ liên quan đến hoạt động xây dựng cơ bản dự án Nhà máy thiêu kết và luyện gang từ quặng sắt, bao gồm chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại, được ghi nhận vào tài khoản "Chênh lệch tỷ giá" trong phần "Vốn chủ sở hữu". Khi công trình xây dựng Nhà máy thiêu kết và luyện gang từ quặng sắt của Công ty hoàn thành, toàn bộ chênh lệch tỷ giá phát sinh lũy kế được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ thuế.

Theo quy định tại giấy chứng nhận đầu tư đầu tư, đối với hoạt động sản xuất chính là thổi thép, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất là 10% tính trên thu nhập chịu thuế trong 15 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh và áp dụng thuế suất 25% cho các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Năm 2007 là năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thuế (Tiếp theo)

Công ty có lỗ tính thuế là 156.697.540.326 VND trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008. Khoản lỗ này sẽ được chuyển vào các năm có lãi trong tương lai sau khi kết thúc thời gian hưởng ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo các quy định hiện hành. Tuy nhiên, do chưa xác định được khả năng lợi nhuận đạt được trong tương lai nên Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2008 VND	31/12/2007 VND
Tiền mặt	170.411.834	23.844.854
Tiền gửi không kỳ hạn	14.185.503.686	12.784.271.790
Tiền gửi có kỳ hạn nhỏ hơn 3 tháng	59.000.000.000	-
	73.355.915.520	12.808.116.644

5. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2008 VND	31/12/2007 VND
Hàng mua đang đi trên đường	99.732.350.747	73.847.786.596
Nguyên liệu, vật liệu	211.160.686.226	84.417.276.167
Công cụ, dụng cụ	23.456.300.562	12.243.346.347
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.323.259.762	-
Thành phẩm	83.911.199.253	4.972.404.705
Hàng hoá	59.615.297	-
	420.643.411.847	175.480.813.815
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(1.812.163.342)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của HTK	420.643.411.847	173.668.650.473

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, toàn bộ giá trị hàng tồn kho đã được thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-ĐN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với bản cáo tài chính kèm theo

6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị: VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2008	84.666.517.206	146.169.075.754	4.700.683.151	-	435.378.528	235.971.654.639
Mua trong năm	259.757.238	6.707.524.086	14.795.469.484	506.080.278	61.290.000	22.330.121.086
Đầu tư XDCH hoàn thành	6.793.154.256	-	-	-	-	6.793.154.256
Tăng do phân loại lại	-	-	-	1.013.150.606	-	1.013.150.606
Tăng khác	1.307.412.346	3.619.781.833	-	-	-	4.927.194.179
Giảm do phân loại lại	-	(1.013.150.606)	-	-	-	(1.013.150.606)
Tại ngày 31/12/2008	93.026.841.046	155.483.231.067	19.496.152.635	1.519.230.884	496.668.528	270.022.124.160
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUY KẾ						
Tại ngày 01/01/2008	8.066.820.381	18.363.863.679	730.112.910	-	42.993.162	27.203.790.132
Khấu hao trong năm	4.102.584.512	16.669.380.306	1.487.868.928	212.867.467	60.375.695	22.533.076.908
Phân loại lại	-	(196.942.349)	-	196.942.349	-	-
Tại ngày 31/12/2008	12.169.404.893	34.836.301.636	2.217.981.838	409.809.816	103.368.857	49.736.867.040
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2008	80.857.436.153	120.646.929.431	17.278.170.797	1.109.421.068	393.299.671	220.285.257.120
Tại ngày 31/12/2007	76.599.696.825	127.805.212.075	3.970.570.241	-	392.385.366	208.767.864.507

Công ty đã thế chấp tài sản cố định là máy móc, thiết bị, nhà xưởng, phương tiện vận tải và các tài sản cố định khác với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 205.903.559.162 VND để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị: VND

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2008	12.005.818.060	1.455.238.095	13.461.056.155
Thuê trong năm	-	1.609.239.177	1.609.239.177
Phân loại lại	(2.885.714.285)	-	(2.885.714.285)
Tại ngày 31/12/2008	9.120.103.775	3.064.477.272	12.184.581.047
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2008	1.866.723.350	-	1.866.723.350
Khấu hao trong năm	1.517.110.907	136.880.308	1.653.991.215
Phân loại lại	(1.318.702.615)	-	(1.318.702.615)
Tại ngày 31/12/2008	2.065.131.642	136.880.308	2.202.011.950
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2008	7.054.972.133	2.927.596.964	9.982.569.097
Tại ngày 31/12/2007	10.139.094.710	1.455.238.095	11.594.332.805

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2008	18.720.000.000	22.000.000	110.001.000	18.852.001.000
Mua trong năm	-	126.624.600	-	126.624.600
Tại ngày 31/12/2008	18.720.000.000	148.624.600	110.001.000	18.978.625.600
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2008	1.486.305.663	4.425.617	23.393.961	1.514.125.241
Khấu hao trong năm	429.521.988	7.757.945	13.750.128	451.030.061
Tại ngày 31/12/2008	1.915.827.651	12.183.562	37.144.089	1.965.155.302
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2008	16.804.172.349	136.441.038	72.856.911	17.013.470.298
Tại ngày 31/12/2007	17.233.694.337	17.574.383	86.607.039	17.337.875.759

Công ty đã thế chấp toàn bộ tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất và phần mềm quản lý kho với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 lần lượt là 16.804.172.349 VND và 23.382.953 VND để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Tại ngày 01 tháng 01	16.520.910.275	501.889.245
Tăng trong kỳ	472.107.788.432	17.181.231.276
Kết chuyển sang tài sản cố định	(17.789.541.243)	(1.107.666.878)
Giảm khác	(539.584.630)	(54.543.368)
Tại ngày 31 tháng 12	470.299.572.834	16.520.910.275

Giá trị xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31/12/2008 bao gồm 431.946.132.663 VND là giá trị đầu tư nhà máy thiêu kết và luyện gang từ quặng sắt. Tình hình thực hiện đầu tư nhà máy như sau:

	01/01/2008 VND	Tăng trong năm VND	31/12/2008 VND
Hệ thống dây chuyền thiết bị	-	241.958.278.612	241.958.278.612
Hệ thống cọc bê tông	10.281.900.969	22.513.409.991	32.795.310.960
Các hạng mục xây dựng cơ bản	-	57.551.721.156	57.551.721.156
Các hạng mục kết cấu thép	-	76.456.579.063	76.456.579.063
Nhà xưởng chính	31.818.182	4.814.285.715	4.846.103.897
Chi phí ban quản lý dự án	319.997.121	1.875.055.474	2.195.052.595
Chi phí lãi vay	-	8.392.031.828	8.392.031.828
Tiền thuê đất	-	1.490.335.984	1.490.335.984
Các hạng mục khác	792.596.385	5.468.122.184	6.260.718.569
	11.426.312.657	420.519.820.007	431.946.132.663

Trong giá trị đầu tư nhà máy thiêu kết và luyện gang từ quặng sắt thì một số hạng mục với tổng giá trị đầu tư là 348.844.480.000 VND tại ngày 31/12/2008 đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	01/01/2008 VND	Tăng trong năm VND	Phân bổ trong năm VND	31/12/2008 VND
Chi phí tiền thuê đất (i)	31.966.891.970	27.903.442.884	1.490.335.984	58.379.998.870
Công cụ, dụng cụ	2.521.391.726	8.212.190.910	5.068.901.167	5.664.681.469
	34.488.283.696	36.115.633.794	6.559.237.151	64.044.680.339

(i) Tiền thuê đất bao gồm: (1) Tiền thuê 43.580 m² đất tại Khu Công nghiệp Đình Vũ – Thành phố Hải Phòng theo hợp đồng kinh tế số DVD.92/2007/LLC/Mkg ký ngày 23/08/2007 với Công ty Liên doanh TNHH Phát triển Đình Vũ; (2) Tiền thuê 30.000 m² đất tại Khu Công nghiệp Đình Vũ – Thành phố Hải Phòng theo hợp đồng ký với Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Kim khí; và (3) Tiền thuê 17.430 m² đất tại Khu Công nghiệp Đình Vũ – Thành phố Hải Phòng theo hợp đồng số 0110/07-HĐ/SSC ngày 31 tháng 01 năm 2008 với Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Kim khí. Công ty đã thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất thuê của các lô đất nêu trên cho các khoản vay tại ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

Đơn vị	31/12/2008		31/12/2007	
	Gốc vay	tương đương VND	Gốc vay	tương đương VND
Vay ngắn hạn		768.242.288.715		145.244.099.636
- NH Ngoại thương Việt Nam	VND	276.756.645.421	37.997.000.000	37.997.000.000
	USD	20.934.712	6.655.476	107.247.099.636
- NH Hồng Kông và Thượng Hải	VND	35.066.773.588	-	-
	USD	642.230	-	-
- NH Nông nghiệp và PT Nông thôn	USD	4.426.701	-	-
- Vay cổ đông	VND	5.219.346.065	-	-
- Vay nội bộ Công ty	VND	9.735.663.697	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả		17.639.932.900		14.120.000.000
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả		2.764.320.998		3.674.404.000
		788.646.542.613		163.038.503.636

Khoản vay Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam(VCB), bao gồm:

- Là khoản vay hợp vốn theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 02-07/HM-ĐV ngày 18/09/2007 của Công ty với các ngân hàng (Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng, Ngân hàng Indovina – Chi nhánh Hải Phòng, Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng, Công ty Tài chính Dầu khí – Chi nhánh Hải Phòng, trong đó ngân hàng đầu mối là Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng). Hạn mức tín dụng của khoản vay là 370 tỷ VND. Lãi suất của khoản vay được ghi trên từng giấy nhận nợ, bằng bình quân lãi suất cho vay loại tiền tương ứng đối với tổ chức của các tổ chức tín dụng cho vay thông báo tại thời điểm nhận nợ nhưng không được thấp hơn 0,95%/tháng đối với khoản vay bằng VND và 7,0%/năm đối với các khoản vay bằng USD và không thay đổi trong suốt thời hạn của khoản vay.

- Là khoản vay hợp vốn theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 03-07/HM-ĐV ngày 18/09/2007 với các ngân hàng (Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng, Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Ngô Quyền, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ninh, trong đó ngân hàng đầu mối là Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng). Hạn mức tín dụng của khoản vay là 285 tỷ VND. Lãi suất của khoản vay được ghi trên từng giấy nhận nợ, bằng bình quân lãi suất cho vay loại tiền tương ứng đối với tổ chức của các tổ chức tín dụng cho vay thông báo tại thời điểm nhận nợ nhưng không được thấp hơn 0,95%/tháng đối với khoản vay bằng VND và 7,0%/năm đối với các khoản vay bằng USD và không thay đổi trong suốt thời hạn của khoản vay.

- Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01-08/HM-ĐV ngày 29/02/2008 với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng. Hạn mức tín dụng của khoản vay là 200 tỷ VND. Lãi suất của khoản vay theo từng lần nhận nợ.

- Là khoản vay hợp vốn theo hợp đồng hạn mức số 02-08/HM-ĐV ngày 14/04/2008 với các ngân hàng (Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng, Chi nhánh Công ty Tài chính Dầu khí Hải Phòng, trong đó ngân hàng đầu mối là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng). Hạn mức tín dụng của khoản vay là 300 tỷ VND. Lãi suất của khoản vay được ghi trên từng giấy nhận nợ, bằng bình quân lãi suất cho vay loại tiền tương ứng đối với tổ chức của các tổ chức tín dụng cho vay thông báo tại thời điểm nhận nợ và không thay đổi trong suốt thời hạn của khoản vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)

- Là khoản vay hợp vốn theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 03-08/HM-ĐV ngày 28/08/2008 với các ngân hàng (Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng, Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Quảng Ninh và Ngân hàng Công thương Ngô Quyền Hải Phòng, trong đó Ngân hàng đầu mối là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng). Hạn mức tín dụng của khoản vay là 285 tỷ VND. Lãi suất của khoản vay theo từng lần nhận nợ, bằng bình quân lãi suất cho vay loại tiền tương ứng đối với tổ chức của các tổ chức tín dụng cho vay thông báo tại thời điểm nhận nợ. Lãi suất được điều chỉnh 01 tháng 01 lần vào ngày làm việc đầu tiên sau ngày tính lãi của tháng trước.

- Là khoản vay hợp vốn theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 04-08/HM-ĐV ngày 22/12/2008 của Công ty với các ngân hàng (Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng, Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Hải Phòng, Ngân hàng TMCP Hàng hải – Chi nhánh Hải Phòng, Tổng công ty Tài chính CP Dầu khí – Chi nhánh Hải Phòng, trong đó Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng làm Ngân hàng đầu mối). Hạn mức tín dụng của khoản vay là 370 tỷ VND. Lãi suất của khoản vay được ghi trên từng giấy nhận nợ, bằng bình quân lãi suất cho vay loại tiền tương ứng đối với tổ chức của các tổ chức tín dụng cho vay thông báo tại thời điểm nhận nợ và không thay đổi trong suốt thời hạn của khoản vay. Lãi suất được điều chỉnh 01 tháng 01 lần vào ngày làm việc đầu tiên sau ngày tính lãi của tháng trước.

- Là khoản vay hợp vốn theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 05-08/HM-ĐV ngày 26/11/2008 với các Ngân hàng (Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng, Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Quảng Ninh, Ngân hàng Công thương Ngô Quyền Hải Phòng, trong đó Ngân hàng đầu mối là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng). Hạn mức tín dụng của khoản vay là 285 tỷ VND. Lãi suất của khoản vay được ghi trên từng giấy nhận nợ, bằng bình quân lãi suất cho vay loại tiền tương ứng đối với tổ chức của các tổ chức tín dụng cho vay thông báo tại thời điểm nhận nợ và không thay đổi trong suốt thời hạn của khoản vay. Lãi suất được điều chỉnh 01 tháng 01 lần vào ngày làm việc đầu tiên sau ngày tính lãi của tháng trước.

Các khoản vay ngắn hạn này đã được thế chấp bằng hàng tồn kho luân chuyển của Công ty với giá trị tại ngày 31/12/2008 là 288.963.213.504 VND.

Khoản vay Ngân hàng Hồng Kông và Thượng Hải: là khoản vay theo thư đề nghị cung cấp tiện ích số VHN CDT 08002 ngày 18 tháng 01 năm 2008 và thư gia hạn đề nghị cung cấp tiện ích chung số VHN CDT 080120 ngày 21 tháng 07 năm 2008 giữa Công ty với Ngân hàng Hồng Kông và Thượng Hải – Chi nhánh Hà Nội. Tiện ích nhập khẩu là 7.000.000 USD. Lãi vay dành riêng cho nhập khẩu được tính ở mức SIBOR USD của thời hạn tương ứng (+) 2%/năm (đối với khoản vay USD) hoặc chi phí vốn vay VND của thời hạn tương ứng (+) 1,5%/năm (đối với khoản vay bằng VND). Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ nguyên vật liệu nhập khẩu và mua trong nước hình thành từ vốn vay.

Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Quảng Ninh: là khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 81221004/HDTD/2008 ngày 28 tháng 08 năm 2008 với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Quảng Ninh. Hạn mức tín dụng của khoản vay là 5 triệu USD. Lãi suất của khoản vay là 8%/năm. Lãi của khoản vay được trả 01 tháng 01 lần vào ngày 30 hàng tháng.

Khoản vay cổ đông: Ngày 04/04/2008, Đại hội cổ đông thường niên năm 2007 đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2007 là 45%. Tuy nhiên, để cân đối vốn giai đoạn I (nhà máy phôi) và đảm bảo vốn đối ứng cho nhà máy gang đang trong giai đoạn triển khai đạt được tiến độ đề ra, công ty xin vay lại cổ tức của các cổ đông với lãi suất 1%/tháng đến ngày 30/06/2008. Ngày 30/06/2008 Công ty đã tiến hành chi trả số cổ tức và lãi cho các cổ đông. Một số cổ đông tiếp tục cho Công ty vay tiếp phần cổ tức của mình đến ngày 31/12/2008 với lãi suất 1,5%/tháng.

Khoản vay dài hạn đến hạn trả: được phân loại lại từ khoản vay dài hạn của các ngân hàng: Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín, Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam và Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Hải Phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)

Khoản nợ dài hạn đến hạn trả: được phân loại lại từ các khoản nợ thuê tài chính dài hạn của Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam và Công ty TNHH một thành viên cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2008 VND	31/12/2007 VND
Thuế giá trị gia tăng	5.520.678.863	2.255.049.541
Thuế xuất nhập khẩu	-	62.913.868
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.114.681.930
Thuế thu nhập cá nhân	513.293.307	217.262.612
Các loại thuế khác	-	29.119.778
	6.033.972.170	3.679.027.729

13. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Đơn vị	31/12/2008		31/12/2007	
	Gốc vay	tương đương VND	Gốc vay	tương đương VND
Vay dài hạn (i)		333.722.048.555		90.657.000.000
- NH Ngoại thương Việt Nam	VND	134.482.031.879	134.482.031.879	90.500.000.000
	USD	11.679.207	198.277.899.276	-
- NH TMCP Sài Gòn Thương Tín	VND	37.000.000	37.000.000	157.000.000
- NH TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	VND	466.667.400	466.667.400	-
- NH TNHH Indovina	VND	458.450.000	458.450.000	-
Nợ thuê tài chính dài hạn (ii)		19.005.474.707		3.293.465.337
- NH Ngoại thương Việt Nam	VND	1.019.550.007	1.019.550.007	2.963.458.337
- NH TMCP Sài Gòn Thương Tín	VND	17.985.924.700	17.985.924.700	330.007.000
		352.727.523.262		93.950.465.337

(i) Vay dài hạn

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt nam (VND) bao gồm các khoản vay:

- Khoản vay hợp vốn theo hợp đồng tín dụng dài hạn số 2004 ĐV 02/TD ngày 11/05/2006 cho Dự án xây dựng Nhà máy sản xuất phôi thép giữa Công ty với các Ngân hàng (Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng, Sở giao dịch Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam, Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Ngô Quyền, Công ty Tài chính Dầu khí, trong đó ngân hàng đầu mối là Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng) với số tiền là 115.000.000.000 VND. Thời hạn trả nợ gốc của khoản vay là 120 tháng trong đó có 24 tháng ân hạn kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay đã được giải ngân lần đầu vào ngày 31/05/2007. Lãi suất của khoản vay được xác định 12 tháng một lần bằng lãi suất bình quân tiền gửi tiết kiệm 12 tháng (trả lãi sau) của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng, Sở giao dịch Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam, Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Ngô Quyền và lãi suất huy động tiền gửi cá nhân 12 tháng của Công ty Tài chính Dầu khí cộng (+) 0,25%/tháng. Lãi được thanh toán 3 tháng một lần kể từ lần giải ngân đầu tiên. Tài sản thế chấp bao gồm: (1) Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất tại Khu kinh tế Đình Vũ với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2008 là 16.804.172.349 VND; (2) Tài sản cố định hữu hình là nhà xưởng, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị của nhà máy phôi với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2008 là 193.475.727.544 VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

- Khoản vay hợp vốn theo hợp đồng tín dụng số 0107 TD-ĐV ngày 19/07/2007 cho dự án Nhà máy thiêu kết và luyện gang từ quặng sắt giữa Công ty với các Ngân hàng (Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng và Ngân hàng TMCP Hàng hải – Chi nhánh Hải Phòng trong đó Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng làm đầu mối) với số tiền là 312.000.000.000 VND (trong đó vay USD là 79,54%). Thời hạn khoản vay là 120 tháng kể từ ngày giải ngân vốn đầu tiên (ngày 28/07/2008) trong đó có 18 tháng ân hạn. Lãi suất của khoản vay bằng VND bằng bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm VND có kỳ hạn 12 tháng (trả lãi sau) của Chi nhánh Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng và Chi nhánh Ngân hàng TMCP Hàng hải - Chi nhánh Hải Phòng cộng (+) 3,6%/năm nhưng không thấp hơn 1,05%/tháng. Lãi suất của khoản vay bằng USD bằng lãi suất SIBOR (+) 2,5%/năm. Tài sản thế chấp bao gồm: (1) Quyền sử dụng đất thuê với tổng diện tích là 91.010 m² như đã trình bày tại thuyết minh số 10; (2) Giá trị đầu tư nhà máy thiêu kết và luyện gang từ quặng sắt là 348.844.480.000 VND như đã trình bày tại thuyết minh số 9.

- Khoản vay theo hợp đồng tín dụng trung – dài hạn số 0108DH/VCBHP-ĐV ngày 05/03/2008 giữa Công ty với Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng để đầu tư dự án mua 05 xe tải phục vụ sản xuất kinh doanh với số tiền là 4.122.000.000 VND. Thời hạn khoản vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 05/03/2008). Lãi suất cho vay trong hạn được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng cộng (+) 0,3%/tháng. Lãi suất được điều chỉnh 3 tháng một lần kể từ ngày rút khoản vốn vay đầu tiên. Gốc được trả 3 tháng một lần và trả vào cuối mỗi kỳ. Lãi vay được trả hàng tháng. Khoản vay được thế chấp bằng 05 xe tải theo hợp đồng thế chấp tài sản số 0108 TC-ĐV ngày 05 tháng 03 năm 2008. Giá trị còn lại của tài sản thế chấp tại ngày 31/12/2008 là 4.275.139.369 VND.

- Khoản vay theo hợp đồng tín dụng trung – dài hạn số 0208DH/VCBHP-ĐV ngày 28/03/2008 giữa Công ty với Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng để đầu tư dự án mua 05 xe tải phục vụ sản xuất kinh doanh với số tiền là 4.037.500.000 VND. Thời hạn khoản vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 28/03/2008). Lãi suất cho vay trong hạn được xác định theo thông báo lãi suất cho vay trung hạn của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng từng thời kỳ. Gốc vay được trả 3 tháng một lần và trả vào cuối mỗi kỳ. Lãi vay được trả hàng tháng. Khoản vay được thế chấp bằng 05 xe tải theo hợp đồng thế chấp tài sản số 0208/TC-ĐV ngày 28 tháng 03 năm 2008. Giá trị còn lại của tài sản thế chấp tại ngày 31/12/2008 là 4.505.826.439 VND.

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín: là khoản vay theo hợp đồng tín dụng số LD0709200004 ngày 02/04/2007 với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Hải Phòng số tiền là 367.000.000 VND. Thời hạn của khoản vay là 36 tháng và kết thúc vào ngày 02/04/2010. Lãi suất của khoản vay là 1,1%/tháng áp dụng cho 12 tháng đầu kể từ ngày giải ngân. Lãi suất áp dụng từ năm thứ hai được thả nổi và sẽ được điều chỉnh theo định kỳ 06 tháng một lần, được tính trên cơ sở lãi suất huy động tiết kiệm 13 tháng trả lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín cộng (+) với biên độ là 0,4%/tháng nhưng không thấp hơn 1,1%/tháng. Lãi được trả vào ngày 10 hàng tháng. Công ty đã thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay là phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2008 là 426.762.309 VND.

Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng: là khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 1603 – LAV – 2008 ngày 15/02/2008 với Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng với số tiền là 1.200.000.000 VND trong thời gian 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay năm đầu là 1%/tháng. Từ năm thứ hai trở đi bằng lãi suất tiết kiệm 13 tháng, lĩnh lãi cuối kỳ theo biểu lãi suất công bố của Eximbank Hải Phòng cộng (+) 0,3%/tháng. Lãi vay và gốc vay được trả vào ngày 25 hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng 02 xe ô tô Camry với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2008 là 1.612.214.905 VND.

Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Hải Phòng: là khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 012MT/TVB HP-CR/2008 ngày 04/03/2008 giữa Công ty và Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Hải Phòng với số tiền là 1.100.000.000 VND trong thời gian 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất khoản vay bằng lãi suất tiền gửi 12 tháng tại Ngân hàng TNHH Indovina cộng (+) 0,47%/tháng. Lãi suất được điều chỉnh 6 tháng 1 lần. Lãi vay và gốc vay được trả hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng 02 xe ô tô Camry với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2008 là 1.607.888.596 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

(ii) Nợ thuê tài chính dài hạn

Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam: là các khoản nợ dài hạn với Công ty cho thuê tài chính - Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam theo các hợp đồng cho thuê tài chính bao gồm:

- (1) Hợp đồng số 24.06.10/CTTC ngày 20/10/2006, nợ gốc là 2.415.000.000 VND. Nợ gốc được thanh toán 3 tháng một lần với số tiền là 201.250.000 VND vào ngày 15 hàng tháng;
- (2) Hợp đồng số 24.07.04/CTTC ngày 22/05/2007, nợ gốc là 960.000.000 VND. Nợ gốc được thanh toán 3 tháng một lần với số tiền là 80.000.000 VND vào ngày 15 hàng tháng;
- (3) Hợp đồng số 24.06.02/CTTC, nợ gốc là 2.710.000.000 VND. Nợ gốc được thanh toán 3 tháng một lần với số tiền là 225.833.333 VND vào ngày 15 hàng tháng;
- (4) Hợp đồng số 04.05.25 ngày 05/12/2005, nợ gốc là 2.424.000.000 VND. Nợ gốc được thanh toán 3 tháng một lần với số tiền là 202.000.000 VND vào ngày 15 hàng tháng;
- (5) Hợp đồng số 24.06.08/CTTC ngày 13/10/2006, nợ gốc là 631.825.000 VND. Nợ gốc được thanh toán 3 tháng một lần với số tiền là 52.652.083 VND vào ngày 15 hàng tháng;
- (6) Hợp đồng số 24.07.08/CTTC ngày 10/12/2007, nợ gốc là 1.222.400.000 VND. Nợ gốc được thanh toán 3 tháng một lần với số tiền là 101.866.667 VND vào ngày 15 hàng tháng; và
- (7) Hợp đồng số 27.08.09/CTTC ngày 21/07/2008, nợ gốc 430.000.000 VND. Nợ gốc và lãi được trả 03 tháng 01 lần.

Lãi suất của các khoản cho thuê tài chính (1), (2), (3), (4), (5), (6) là 12%/năm. Lãi suất sẽ được điều chỉnh 06 tháng một lần căn cứ vào mức lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam cộng (+) biên độ 0,37%/tháng.

Lãi suất của khoản cho thuê tài chính (7) từ thời điểm thanh toán khoản tiền đầu tiên đến ngày 15/10/2008 được xác định bằng lãi suất cho thuê tài chính cơ bản VND của Công ty cho thuê tài chính - Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm giải ngân (+) biên độ 0,2%/tháng. Sau đó, lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần.

Thời gian cho thuê của các hợp đồng cho thuê tài chính là 36 tháng.

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín: là khoản nợ dài hạn với Công ty cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín theo các hợp đồng cho thuê tài chính:

- (1) Hợp đồng số 010-0000139/2007/HĐ-CTTC, nợ gốc là 1.100.000.000 VND. Thời hạn nợ là 36 tháng kể từ ngày nhận nợ. Nợ gốc được thanh toán vào ngày 15 hàng tháng. Lãi suất của khoản cho thuê tài chính là 1,2%/tháng cho kỳ thanh toán đầu tiên. Lãi suất từ kỳ thanh toán thứ 2 được thả nổi theo lãi suất huy động 13 tháng trả lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín cộng (+) phí thuê tài chính cố định là 0,42%/tháng;
- (2) Hợp đồng SBL010200807009 ngày 29/07/2008, nợ gốc là 2.144.520.000 VND. Thời hạn cho thuê là 53 tháng trong đó có 5 tháng đầu tư và thời gian trả nợ là 48 tháng. Nợ gốc và lãi vay được thanh toán hàng tháng vào đầu kỳ. Lãi suất của khoản thuê tài chính là 1,75%/tháng đến ngày 31/08/2008. Từ ngày 01/09/2008 điều chỉnh theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố nhân (x) 150%. Lãi suất được điều chỉnh định kỳ vào ngày 01/03 và 01/09 hàng năm; và
- (3) Hợp đồng số 010-0000384/2008/HĐ-CTTC ngày 11/03/2008, nợ gốc khoản vay là 825.000.000 VND. Thời hạn nợ là 36 tháng kể từ ngày nhận nợ. Nợ gốc và lãi vay được thanh toán hàng tháng. Lãi suất của khoản thuê tài chính là 1,4%/tháng đến ngày 31/08/2008. Từ ngày 01/09/2008 lãi suất thả nổi theo lãi suất huy động 13 tháng (trả lãi cuối kỳ) của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín khu vực TP HCM cộng (+) phí thuê tài chính cố định là 0,4%/tháng. Lãi suất được điều chỉnh định kỳ vào ngày 01/03 và 01/09 hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Trong vòng một năm	17.639.932.900	14.120.000.000
Trong năm thứ hai	46.932.578.696	14.120.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	128.952.219.639	42.037.000.000
Sau năm năm	157.837.250.220	34.500.000.000
	351.361.981.455	104.777.000.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ ngắn hạn)	(17.639.932.900)	(14.120.000.000)
Số phải trả sau 12 tháng	333.722.048.555	90.657.000.000

Các khoản nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Trong vòng một năm	2.764.320.998	3.674.404.000
Trong năm thứ hai	5.745.466.155	3.293.465.337
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	13.260.008.552	-
Sau năm năm	-	-
	21.769.795.705	6.967.869.337
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ ngắn hạn)	(2.764.320.998)	(3.674.404.000)
Số phải trả sau 12 tháng	19.005.474.707	3.293.465.337

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ khen thưởng phúc lợi VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND
Số dư tại ngày 01/01/2007	109.708.300.000	1.590.560.213	-	(25.391.401.682)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	80.003.661.983
Tăng vốn trong năm	5.920.000.000	15.500.000.000	-	-
Trả lại vốn góp thừa	(80.000.000)	-	-	-
Điều chỉnh khác	(43.900.000)	43.900.000	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2007	115.504.400.000	17.134.460.213	-	54.612.260.301
Lỗ trong năm	-	-	-	(173.942.085.850)
Tăng vốn trong năm (i)	113.491.570.000	-	-	-
Trích quỹ trong năm (ii)	-	-	1.635.280.301	(2.635.280.301)
Chi cổ tức năm 2007 (ii)	-	-	-	(51.976.980.000)
Tăng khác trong năm	-	-	-	1.114.681.930
Số dư tại ngày 31/12/2008	228.995.970.000	17.134.460.213	1.635.280.301	(172.827.403.920)

(i) Theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 04/04/2008, Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty đã thống nhất về việc phát hành thêm cổ phần của Công ty. Theo đó, mỗi cổ phần của cổ đông hiện hữu được quyền mua thêm 1,1 cổ phần với giá mua bằng mệnh giá (10.000 VND/ cổ phần) tương ứng với phần vốn tăng thêm là 127.054.840.000 VND. Ngày 29/10/2008, Công ty đã nhận được Quyết định số 348/UBCK-GCN của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước quyết định cho phép Công ty thực hiện việc phát hành cổ phần này. Đến ngày 31/12/2008, tổng số vốn phát hành thêm của Công ty đã thu được là 113.491.570.000 VND. Đến ngày 08/01/2009, phần còn lại đã được các cổ đông góp đủ và Công ty đã hoàn thành việc phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ.

(ii) Tại cuộc họp Đại hội Cổ đông thường niên năm 2007 của Công ty ngày 04/04/2008 đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2007 là 45% và thông qua phương án trích lập các quỹ Công ty.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ sáu ngày 29/09/2007, vốn điều lệ của Công ty là 115.504.400.000 VND. Tại ngày 31/12/2008, tình hình góp vốn điều lệ của Công ty như sau:

	Vốn đã góp			
	31/12/2008		31/12/2007	
	VND	(%)	VND	(%)
Công ty CP Sản xuất và Kinh doanh Kim khí	49.197.130.000	21,48	49.197.130.000	42,59
Cổ đông khác	179.798.840.000	78,52	66.307.270.000	57,41
	228.995.970.000	100	115.504.400.000	100

Công ty đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 ngày 07/03/2009, theo đó vốn điều lệ của Công ty là 242.559.240.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. DOANH THU

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Doanh thu bán hàng	2.173.208.050.420	1.242.081.858.077
Doanh thu bán phối thép	1.628.043.083.129	1.179.857.777.703
Doanh thu bán phế liệu	24.343.342.039	29.959.956.055
Doanh thu bán hàng hóa	514.648.403.515	18.500.842.892
Doanh thu khác	6.173.221.737	13.763.281.427
Các khoản giảm trừ	(14.212.503.635)	(63.603.935)
Thuế xuất khẩu	(14.212.503.635)	-
Giảm giá hàng bán	-	(63.603.935)
Doanh thu thuần bán hàng	2.158.995.546.785	1.242.018.254.142

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Giá vốn bán phối thép	1.646.408.891.717	1.058.342.053.728
Giá vốn bán phế liệu	6.088.579.605	25.845.326.572
Giá vốn bán hàng hóa	540.663.873.950	18.263.529.524
Giá vốn khác	2.181.501.310	13.985.051.394
Giá vốn hàng bán	2.195.342.846.582	1.116.435.961.218

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	4.374.322.398	508.556.638
Lãi cho vay vốn	11.333.100	190.673.333
Tiền hỗ trợ lãi suất sau đầu tư	1.434.125.000	768.075.000
Lãi do chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	33.510.068.705	2.326.364.771
Lãi do chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	69.628.520	-
Doanh thu hoạt động tài chính	39.399.477.723	3.793.669.742

18. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Chi phí lãi tiền vay	102.213.680.000	29.736.884.841
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	29.351.253.292	1.420.078.974
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	8.825.953.590	419.690.436
Chi phí hoạt động tài chính	140.390.886.882	31.576.654.251

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. LỢI NHUẬN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Thu nhập khác	11.182.890.530	3.118.683.417
Thanh lý tài sản	6.195.358.706	1.455.238.095
Thu bồi thường vi phạm hợp đồng	-	832.398.750
Thu nhập khác	4.987.531.824	831.046.572
Chi phí khác	6.279.030.762	2.483.743.401
Chi phí bán tài sản	6.184.958.706	1.455.238.095
Phạt vi phạm hợp đồng	2.747.806	1.005.699.700
Chi khác	91.324.250	22.805.606
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	4.903.859.768	634.940.016

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Lợi nhuận (lỗ) trước thuế	(173.942.085.850)	81.118.343.913
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	17.244.545.524	(77.137.337.020)
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(69.628.520)	(78.508.611.596)
Cộng: Chi phí không được khấu trừ	17.314.174.044	1.371.274.576
Thu nhập chịu thuế	(156.697.540.326)	3.981.006.893
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	28%	28%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	1.114.681.930
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.114.681.930

21. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	1.490.335.984	620.983.199

Các khoản thuê hoạt động thể hiện:

- Tiền thuê 43.580 m² đất tại Khu Công nghiệp Đình Vũ – Thành phố Hải Phòng theo hợp đồng kinh tế số DVD.92/2007/LLC/Mkg ký ngày 23/08/2007 với Công ty Liên doanh TNHH Phát triển Đình Vũ với giá thuê là 49 USD/m². Hợp đồng thuê đất được ký với thời hạn 475 tháng (tương đương 39,58 năm) kết thúc vào ngày 02/04/2047. Tổng giá trị của hợp đồng là 2.135.420 USD đã được trả toàn bộ cho bên cho thuê.
- Tiền thuê 30.000 m² đất tại Khu Công nghiệp Đình Vũ – Thành phố Hải Phòng theo hợp đồng ký với Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Kim khí với giá thuê là 24 USD/m² trong 44 năm. Hợp đồng thuê đất được ký với thời hạn 44 năm, kết thúc vào ngày 02/04/2047. Tổng giá trị của hợp đồng là 720.000 USD đã được trả toàn bộ cho bên cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

Các khoản thuê hoạt động thể hiện (Tiếp theo):

- Tiền thuê 17.430 m² đất tại Khu Công nghiệp Đình Vũ – Thành phố Hải Phòng theo hợp đồng số 0110/07-HĐ/SSC ngày 31 tháng 01 năm 2008 với Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Kim khí, giá thuê là 48,80 USD/m² trong 39,5 năm. Hợp đồng được kết thúc vào ngày 02/04/2047. Tổng giá trị của hợp đồng là 857.738 USD. Đến ngày 31/12/2008, Công ty đã trả cho bên cho thuê số tiền là 850.584 VND.

22. CÁC CAM KẾT KHÁC

Đầu tư Dự án Nhà máy thiêu kết và luyện gang từ quặng sắt

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty ngày 12/08/2006 về việc đầu tư dự án nhà máy thiêu kết và luyện gang từ quặng sắt, Hội đồng Quản trị Công ty đã có Quyết định số 1505071/QĐ-HĐQT ngày 15/05/2007 về việc đầu tư và phê duyệt dự toán đầu tư Dự án Nhà máy thiêu kết và luyện gang từ quặng sắt tại Khu kinh tế Đình Vũ, quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Theo đó, tổng dự toán vốn đầu tư xây dựng cho dự án là 592.260.480.000 VND. Đến thời điểm ngày 31/12/2008, giá trị thực hiện đầu tư của dự án là 431.946.132.663 VND. Công ty đã ký hợp đồng tín dụng số 0107 TD-ĐV ngày 19/07/2007 với các Ngân hàng (Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng và Ngân hàng TMCP Hàng hải – Chi nhánh Hải Phòng, trong đó Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng làm đầu mối) cam kết cho vay đối với dự án này là 312.000.000.000 VND.

Đầu tư Dự án Nhà máy luyện than cốc

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty ngày 04/04/2008 về việc xây dựng Nhà máy luyện than cốc 400.000 – 470.000 tấn/năm tại khu đất 15,5 ha thuộc xã Gia Đức, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, ngày 23/08/2008, Hội đồng Quản trị đã có Quyết định số 2308085/QĐ-HĐQT về việc đầu tư và phê duyệt dự toán đầu tư Dự án Nhà máy luyện than cốc. Theo đó, tổng dự toán đầu tư cho dự án là 1.037.005.000.000 VND. Đến thời điểm ngày 31/12/2008, giá trị đã thực hiện đầu tư của dự án là 697.793.713 VND.

Góp vốn thành lập Công ty Liên doanh Khoáng sản tại Lào

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty ngày 04/04/2008 về việc thành lập Công ty Liên doanh Khoáng sản tại Lào với mục đích khai thác, chế biến quặng sắt xuất khẩu về Việt Nam phục vụ cho nhu cầu nguyên liệu của Nhà máy gang, ngày 06/07/2008, Công ty cùng với Công ty Souphatthone Tư vấn và Dịch vụ Tổng hợp và Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Kim khí đã ký hợp đồng hợp tác liên doanh thành lập Công ty Cổ phần Khoáng sản Khăm Hải tại Lào với vốn đầu tư ban đầu là 9.999.999 USD. Theo hợp đồng hợp tác liên doanh này, Công ty sẽ chiếm 70% quyền biểu quyết trên vốn chủ sở hữu.

Các hợp đồng nhập mua nguyên vật liệu và bán phôi thép chưa thực hiện

Đến thời điểm ngày 31/12/2008, Công ty đã ký kết các hợp đồng nhập khẩu nguyên liệu thép phế nhưng vẫn chưa được thực hiện với số lượng 12.474 tấn tương đương giá trị là 3.103.483 USD. Giá trị của các lô hàng này không bị giảm giá so với giá trị thị trường.

Đến thời điểm ngày 31/12/2008, Công ty đã ký kết các hợp đồng bán phôi thép nhưng vẫn chưa được thực hiện với số lượng 5.969,34 tấn tương đương giá trị là 42.925.234.904 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Bán hàng		
Công ty CP Sản xuất và Kinh doanh Kim khí	230.831.282.949	13.242.894.056
Mua hàng		
Công ty CP Sản xuất và Kinh doanh Kim khí	365.496.047.551	129.220.483.035
Số dư với các bên liên quan:		
	31/12/2008 VND	31/12/2007 VND
Các khoản phải thu		
Công ty CP Sản xuất và Kinh doanh Kim khí	53.811.868.648	-
Các khoản phải trả		
Công ty CP Sản xuất và Kinh doanh Kim khí	111.528.455.238	8.164.204.353

Thu nhập của Ban Giám đốc:

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Lương, thu nhập khác	1.217.563.825	789.094.310